

Bản án số: 127/2017/HSST

Ngày: 28-7-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Thiệu.

2. Bà Ngô Thị Thời.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 117/2017/HSST ngày 28-6-2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2017/HSST-QĐ ngày 05-7-2017 đối với bị cáo: **Trần Văn V** - sinh năm 1989 tại Bắc G. Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc G; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 05/12; Con ông Trần Văn Chử, sinh năm 1971 và bà Bá Thị Nghĩa, sinh năm 1971. Tiền án, tiền sự: Chưa. Hiện bị cáo đang thi hành án phạt tù tại trại giam An Phước, tổng cục VIII Bộ Công an, thuộc địa bàn xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Anh K, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1988.

2. Anh Trần Văn N, sinh năm 1989.

Đều cư trú: thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc G.

Đều vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h ngày 26/7/2011, Trần Văn V, Nguyễn Văn G, Trần Văn N, Nguyễn Văn M đi đến xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương chơi. Cùng thời điểm đó, V nhận được tin nhắn của chị Trần Thị Y (là em gái V) thông báo về việc Y và anh Trần Văn T2 ở cạnh phòng trọ của Y cãi nhau. V nói với G, N, M: “có thằng chửi cái Y, anh em mình đến đánh cho nó một trận”. Tất cả đồng ý rồi đi về phòng trọ của Nguyễn Tiến V ở khu T, Xã A, thành phố H là bạn của Trần Văn V lấy hung khí, V lấy 01 ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 02cm, M lấy 01 con dao phay kích thước 25cm x 07cm, G nhặt 01 vỏ chai nước bằng thủy tinh và 01 viên gạch chỉ kích thước 7x15cm rồi cả nhóm đi đến phòng trọ của Y cùng ở khu T, Xã A, thành phố H (cách phòng trọ của Nguyễn Tiến V khoảng 200m). Khoảng 01h00 phút ngày 27/7/2011, khi cả nhóm đến nơi, V đưa tuýp sắt cho M, V cầm dao phay rồi cả hai gọi cửa phòng anh T2, còn N và G đứng ở sân phòng trọ. Lúc này, trong phòng trọ có anh Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Ngọc T1. Anh T1 ra mở cửa, V nói: “đưa nào chửi em tao”, Y từ phòng trọ đi sang chỉ về phía anh T2 nói: “Chỉ có thằng cao cao, gầy gầy kia thôi” rồi về phòng. M dùng tuýp sắt vụt vào vùng đầu, vào người anh T2; V dùng dao chém 02 phát vào cánh tay trái và bả vai trái anh T2; G đi vào ném gạch xuống nền nhà và tay trái cầm vỏ chai thủy tinh giơ lên đập một phát vào vai anh T2, dùng chân tay dẫm đá vào vùng đầu, người anh T2; N dùng tay tát 02, 03 cái vào mặt anh K, anh K bỏ chạy. N tiếp tục cùng V và G dùng chân tay đánh vào mặt, đầu anh T1. Sau đó M quay sang dùng tuýp sắt vụt vào đầu anh T1; V dùng dao chém 01 nhát vào N, G quay sang dùng chân tay tiếp tục đánh anh T2, anh K. Thấy anh T2 bị chảy máu nhiều G, N, M, V bỏ về phòng trọ của N ở C, huyện T

để ngủ; còn anh T1, T2 được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa Hòa Bình và bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, điều trị đến ngày 08/8/2011 thì ra viện. Ngày 28/7/2011 anh K, anh T2 có đơn yêu cầu khởi tố bị cáo. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, V, G, N, M đều bỏ trốn. Đến ngày 09/6/2012 G, N đã ra đầu thú tại Công an thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đối với Trần Văn V, sau khi phạm tội đã bỏ trốn vào thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/4/2016 Trần Văn V phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 2 năm 06 tháng tù.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 286A ngày 27/10/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận. Đối với thương tích của anh Trần Văn T2: Vết thương vùng đỉnh trái gây vỡ xương sọ; Vết thương 1/3 trên cánh tay trái gây đứt cơ đen ta, cơ nhị đầu, mẻ xương cánh tay; vết thương mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái gây đứt cơ; gân duỗi cổ tay. Mức độ tổn hại sức khỏe 29%.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 286B ngày 27/10/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Đối với thương tích của anh Nguyễn Văn K: Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu bên trái, chấn thương phần mềm vùng đỉnh đầu, cẳng tay trái, rách da ngón trỏ tay trái. Mức độ tổn hại sức khỏe 01%.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 286C ngày 27/10/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Đối với thương tích của anh Nguyễn Ngọc T1: Sẹo đa vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu, sau bả vai trái, cổ mu tay trái. Mức độ tổn hại sức khỏe 04%.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn T2 xác định: Về trách nhiệm dân sự đã được Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết trong vụ án xét xử Trần Văn N và Nguyễn Văn G. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các anh đã có đơn đến cơ quan Thi hành án dân sự nhưng đến nay các anh vẫn chưa nhận được tiền bồi thường. Tuy nhiên tại vụ án này các anh không có yêu cầu gì đối với bị cáo Trần Văn V về trách nhiệm dân sự; về trách nhiệm hình sự: Các anh đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn G, Trần Văn N xác định: Về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại bản án số 02/2013/HSST ngày 09/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H. Tại thời điểm này các anh

chưa bồi thường cho người bị hại nên cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền bồi thường cho các anh. Sau này nếu phải bồi thường cụ thể như thế nào cho người bị hại, các anh có yêu cầu bị cáo hoàn trả lại thì sẽ khởi kiện thành một vụ án dân sự khác, trong vụ án này các anh không có đề nghị gì với Hội đồng xét xử.

Tại Cáo trạng số 110/VKS-HS ngày 31/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự (được viết tắt là BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 51 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 306/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, được trừ đi thời gian chấp hành hình phạt tù là 01 năm 03 tháng 06 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại từ 04 năm 08 tháng 24 ngày đến 05 năm 02 tháng 24 ngày tù, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết.

Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi người bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01h00 phút ngày 27/7/2011 tại phòng trọ của anh Trần Văn T2 ở khu T, Xã A, thành phố H. Trần Văn V cùng với Nguyễn Văn G, Trần Văn N, Nguyễn Văn M dùng dao phay chém, dùng tuýp sắt và vỏ chai thủy tinh đánh anh Trần Văn T2 gây vỡ xương sọ vùng đỉnh trái; đứt cơ đen ta, cơ nhị đầu, mẻ xương trên 1/3 cánh tay trái và đứt cơ, gân duỗi cổ tay trái tỷ lệ thương tích 29%; anh Nguyễn Ngọc T1 bị chấn thương phần mềm vùng đỉnh đầu, sau bả vai trái, cổ mu tay trái tỷ lệ thương tích 04%; anh Nguyễn Văn K bị thương tích phần mềm vùng đỉnh đầu trái, cẳng tay trái, rách da ngón trỏ tay trái tỷ lệ thương tích 01%.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc dùng tay chân đánh người khác và dùng dao chém người khác sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của họ nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo cùng N, M, G dùng công cụ là dao và tuýp sắt để gây thương tích cho người bị hại, theo hướng dẫn tại Nghị Quyết 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định đó là “hung khí nguy hiểm” (theo điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS). Các bị cáo không có mâu thuẫn gì với những người bị hại vì nghe thông tin một trong những người bị hại trêu chị Y (em ruột bị cáo) mà các bị cáo đã có hành vi hung hãn cao độ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác vì những nguY có rất nhỏ nhất, hành vi đó được xác định là “có tính chất côn đồ” (theo quy định

tại điểm i khoản 1 Điều 104 BLHS). Vì có 02 tình tiết định khung tại khoản 1 Điều 104, tỷ lệ thương tích của người bị hại từ 11% đến 30% nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, bàn bạc từ trước. Bị cáo V là người đề xuất và thực hành tích cực nên giữ vai trò đầu. Trần Văn N, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn M giữ vai trò đồng phạm thực hành.

Nguyễn Văn G, Trần Văn N đã bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xét xử tại Bản án số 02/2013/HSST ngày 09/01/2013 về tội Cố ý gây thương tích. Hành vi của Nguyễn Văn M đã được tách ra giải quyết thành một vụ án khác.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy: Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội tại thành phố H, bị cáo đã bỏ trốn. Trong khoảng thời gian bỏ trốn bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội và bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2016 về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tại bản án số 306/2016/HSST ngày 23/9/2016. Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Theo quy định tại khoản 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc áp dụng BLHS năm 2015: Thực hiện các quy định có lợi cho bị cáo tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015. *(Cụ thể: Đối với tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ 2 năm - 7 năm tù, theo quy định tại khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 02 năm - 06 năm tù)*. HĐXX sẽ xem xét áp dụng phần hình phạt có lợi theo quy định của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo bản án số 306/2016/HSST ngày 23/9/2016 tại trại giam An Phước, tổng cục VIII Bộ Công an, thuộc địa bàn xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương thì bị cáo bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung

của hai bản án, thời gian chấp hành hình phạt của bản án số 306/2016/HSST ngày 23/9/2016 được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án số 02/2013/HSST ngày 09/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H. Tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra xác định, ngoài việc bị đánh gây thương tích, các anh T, T, K còn bị một người trong nhóm V, M, N, G chiếm đoạt tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6030; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 7610; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N73; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6610; 01 ví da bên trong có 2.000.000đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 4.995.000đ. Quá trình điều tra do M bỏ trốn nên chưa xác định được ai là người thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Tiến V, chị Trần Thị Y không bàn bạc, không tham gia đánh và chiếm đoạt tài sản của các anh T2, T1, K nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 51 BLHS; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 03 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 306/2016/HSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 09 tháng tù, được trừ đi thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt tù là 01 năm 03 tháng 06 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 04 năm 05 tháng 24 ngày tù, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/7/2017.

2. Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại (anh T2) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại (anh K, anh T1) có quyền kháng cáo

bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương.
- Công an Tp Hải Dương.
- Chi cục THADS TP Hải Dương.
- Bị cáo;
- Sở tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Đào

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nguyễn Thị Hoài Thanh

